

HƯỚNG DẪN LƯU TRỮ TÀI LIỆU PHỤC VỤ KĐCL CTĐT 2020 - PHÒNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

(Theo Thông báo số 59/TB-MĐC ngày 18 tháng 2 năm 2020)

(CTĐT = Khoa/Bộ môn chủ quản ngành đào tạo)

Lưu ý: Đơn vị đầu mỗi có trách nhiệm kết hợp với các đơn vị liên quan triển khai lưu trữ tài liệu làm minh chứng.

TT	TÊN MINH CHỨNG	TIÊU CHÍ	ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH CHÍNH	ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	CTĐT Thực hiện và/hoặc cùng lưu tài liệu
1	Dữ liệu hoặc kết quả về các nghiên cứu và công bố*.	6.2	KHCN	KHCN		
2	Bảng thống kê các hoạt động NCKH và phục vụ cộng đồng hằng năm của đội ngũ GV, NCV*.	6.2	KHCN	KHCN	CTĐT	x
3	Dữ liệu thống kê về các NCKH và phục vụ cộng đồng hằng năm*.	6.6	KHCN	KHCN		
4	Hồ sơ năng lực của GV, NCV*.	6.6	KHCN	KHCN	TCCB	x
5	Tài liệu; quy định cụ thể về các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV, NCV*.	6.7	KHCN	KHCN; TCCB		
6	Sổ tay NCKH*.	6.7	KHCN	KHCN		
7	Dữ liệu thống kê về các NCKH và phục vụ cộng đồng hằng năm*.	6.7	KHCN	KHCN		
8	Ý kiến phản hồi của GV, NCV và các bên liên quan.	6.7	KHCN	KHCN; TCCB		
9	Hồ sơ các đề tài NCKH*.	10.4	KHCN	KHCN	CTĐT	x
10	Thông tin về kết quả nghiên cứu, sản phẩm các đề tài NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học*.	10.4	KHCN	KHCN	CTĐT	x
11	Các hội nghị, hội thảo, sáng kiến kinh nghiệm, ... để phổ biến, áp dụng kết quả NCKH*.	10.4	KHCN	KHCN		
12	Kế hoạch; chiến lược NCKH của CSGD đối với NH*.	11.4	KHCN	KHCN		
13	Thống kê, đánh giá các hoạt động NCKH của NH trong chu kỳ đánh giá*.	11.4	KHCN	KHCN		
14	Dữ liệu về việc tổ chức các hội nghị tổng kết, báo cáo kết quả NCKH của NH trong đó thể hiện được các đề xuất NCKH phù hợp với bối cảnh, mục tiêu, tầm nhìn, sứ mạng của CSGD*.	11.4	KHCN	KHCN		
15	Đối sánh trong nước và quốc tế về loại hình nghiên cứu và số lượng các hoạt động NCKH của NH thuộc các CTĐT tương ứng*.	11.4	KHCN	KHCN	CTĐT	x